

Bản án số: 208/2026/HS-ST

Ngày 18 - 8 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Hải Ninh

Các Hội thẩm nhân dân: bà Vũ Thị Bích Vân và bà Nguyễn Thị Viên

- Thư ký phiên tòa: bà Bùi Kim Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Bùi Văn Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2026, tại phòng xử án, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 160/2026/TLST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2026/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn T, tên gọi khác: không; sinh ngày 21 tháng 12 năm 1986, tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: xóm N, xã T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Thổ; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Trương Thị T1; có vợ là Trần Thị H và có 01 con, sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2026, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

2. Họ và tên: Nguyễn Thành L1, tên gọi khác: không; sinh ngày 01 tháng 7 năm 1993, tại thành phố Hà Nội; nơi thường trú: thôn C, xã C, thành phố Hà Nội; nơi ở hiện tại: số B, ngõ B, tổ A cụm N, phường B, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L2 và bà Hoàng Thị A; có vợ là Từ Thị L3 và có 02 con, con lớn sinh năm 2020, nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2026, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

3. Họ và tên: Phạm Thị O, tên gọi khác: không; sinh ngày 04 tháng 6 năm 1980, tại thành phố Hải Phòng; nơi thường trú: thôn C, xã K, tỉnh Lâm Đồng; nơi ở hiện tại: tổ dân phố L, phường T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị H1; có

chồng là Nguyễn Văn S và có 04 con, con lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/3/2026, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

4. Họ và tên: Nguyễn Mạnh H2, tên gọi khác: không; sinh ngày 25 tháng 7 năm 1987, tại tỉnh Hưng Yên; nơi thường trú: thôn T, xã T, tỉnh Hưng Yên; nơi ở hiện tại: số nhà C, ngách B, ngõ F đường K, phường T, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H3 và bà Lê Thị Đ; có vợ là Phạm Thị Thu T2 và có 01 con, sinh năm 2026; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2026, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

Chị Phạm Thị C1, vắng mặt.

Chị Bùi Hồng N, vắng mặt.

Chị Hoàng Thị Ngọc H4, vắng mặt.

Chị Trần Thị Thúy L4, vắng mặt.

Anh Bùi Văn C2, vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị Lan D, vắng mặt.

Anh Nguyễn Văn B, vắng mặt.

Anh Phạm Hoàng Q, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/01/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an tỉnh Q nhận được đơn trình báo của chị Nguyễn Thị Thu H5, sinh năm 1991, trú tại tổ I, khu G, phường C, tỉnh Quảng Ninh, về việc thông qua mạng xã hội Facebook chị H5 phát hiện Nguyễn Thành L1 sử dụng số điện thoại 0348.615.540 và các tài khoản mạng xã hội Facebook khác nhau thường xuyên đăng bài trên các hội nhóm liên quan đến việc cấp lại các loại bằng cấp, chứng chỉ, giấy tờ, có nội dung: “*Nhận làm nhanh bằng cấp giấy tờ, không cọc*”, chị Hoài N1 đây là hoạt động làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức nên đã trình báo đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q. Sau khi tiếp nhận nguồn tin, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q đã xác minh, triệu tập Nguyễn Thành L1 đến làm việc. Tại đây, L1 đã đầu thú và khai nhận vào khoảng tháng 01/2024, do thiếu tiền chi tiêu nên L1 đã lên mạng xã hội Facebook tìm hiểu và làm quen với Nguyễn Văn T là người có khả năng làm giả các loại tài liệu bằng cấp, chứng chỉ của các cơ quan, tổ chức. Sau đó, L1 đề nghị với T sẽ làm cộng tác viên đăng bài trên các hội nhóm, trang mạng xã hội để tìm người mua tài liệu giả rồi cung cấp thông tin cá nhân những người này cho T để làm giả tài liệu sau đó bán kiếm lời, hưởng hoa hồng chênh lệch thì T đồng ý. Cơ quan CSĐT đã triệu tập Nguyễn Văn T đến làm việc, tại đây T

cũng đầu thú khai nhận hành vi nhận các đơn đặt hàng và thông tin cá nhân từ L1, rồi làm giả bằng cấp, chứng chỉ của các cơ quan, tổ chức để bán cho khách nhằm hưởng lợi. Ngoài việc làm giả tài liệu bằng cấp, chứng chỉ của các cơ quan, tổ chức bán cho L1 thì T còn làm giả các bằng cấp, chứng chỉ bán cho Nguyễn Mạnh H2, Phạm Thị O để H2 và O bán cho khách nhằm hưởng lợi. Cơ quan CSĐT đã triệu tập Nguyễn Mạnh H2 và Phạm Thị O đến làm việc; H2 và O cũng xin đầu thú và khai nhận làm cộng tác viên cho T để đăng bài trên các hội nhóm, trang mạng để tìm người mua tài liệu giả để bán kiếm lời, hưởng hoa hồng chênh lệch thì T đồng ý.

Tại Cơ quan CSĐT, Nguyễn Thành L1 tự nguyện giao nộp: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12Pro, số IMEI 350510542942267, gắn sim số 0348.615.540; 01 chứng chỉ sơ cấp nghề vận hành xe lu mang tên “Vy Đức K” và 03 bản phô tô công chứng; 01 bằng kỹ sư ngành kỹ thuật điện tử - viễn thông mang tên “Nguyễn Văn L5” và 03 bản phô tô công chứng; 01 bằng điểm mang tên “Nguyễn Văn L5” và 03 bản phô tô công chứng; 01 bằng tốt nghiệp trung học phổ thông mang tên “Hoàng Văn Đ1” và 07 bản phô tô công chứng; tổng số 20 tài liệu trên L1 khai là các bằng cấp, chứng chỉ L1 đặt T làm giả vào ngày 05/01/2026 để bán cho người mua nhưng chưa kịp giao thì bị phát hiện.

Nguyễn Mạnh H2 tự nguyện giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu samsung S21 Ultra 5G, màu bạc, số IMEI 359276660891170, gắn sim số 0886.126.101 và số 0836.075.384; 01 chứng chỉ ngoại ngữ ngôn ngữ tiếng Anh bậc 2 mang tên “Nguyễn Thị T3”; 01 giấy xác nhận kết quả đánh giá năng lực tiếng Anh của trường Đại học S1 mang tên “Nguyễn Thị T3”; 01 chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản mang tên “Đặng Thị H6”; tổng số 03 tài liệu, H2 khai là chứng chỉ H2 đặt T làm giả vào ngày 05/01/2026 để bán cho người mua nhưng chưa kịp giao thì bị phát hiện.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn T tại địa chỉ xóm N B, xã T, tỉnh Nghệ An, đã thu giữ tại khu vực phản gỗ góc phòng khách, bàn làm việc, giường ngủ của T những đồ vật, tài liệu liên quan đến việc làm giả gồm: 10 chiếc phong bì chưa qua sử dụng, kích thước (35x25) cm, mặt ngoài phong bì in chữ “CÔNG TY CỔ PHẦN H10 CHI NHÁNH H11” cùng địa chỉ và số điện thoại; 01 chứng chỉ đào tạo vận hành xe cơ giới mang tên “Nguyễn Lê Phước B1” của Trường Cao đẳng G1, đề ngày 16/10/2024; 01 chứng chỉ sơ cấp vận hành cần trục mang tên “Nguyễn Trọng T4” của Trường Cao đẳng G2, đề ngày 15/6/2023; 01 cuộn băng dính trong suốt đã qua sử dụng bản rộng 4,7 cm được đặt trong dụng cụ cắt băng dính bằng kim loại màu cam; 01 màn hình máy tính nhãn hiệu Dell, kích thước (51x35,5) cm; 01 bàn phím máy tính có dây kết nối nhãn hiệu DAREU; 01 chuột máy tính có dây kết nối nhãn hiệu NEWMEN; 01 case máy tính, nhãn hiệu XIGMATEK, có gắn thiết bị thu phát sóng wifi không dây; 01 máy in màu nhãn hiệu EPSON L805; 01 bút bi màu xanh nhãn hiệu UPAL-G11; 10 tờ giấy ảnh màu trắng, kích thước (21x30) cm; 01 máy ép nhiệt nhãn hiệu JATAI-YT320; 01 máy phô tô nhãn hiệu PANIUM-M71000W; 10 tờ giấy bóng trong suốt hình chữ nhật loại

02 lớp, kích thước (21,8x15,8) cm; 10 tờ giấy bóng trong suốt hình chữ nhật loại 02 lớp, kích thước (30,7x21,8) cm; 10 tờ giấy trắng loại A4, kích thước (21x29,7) cm; 06 lọ mực nhãn hiệu EPSON dung tích 70 ml, đã qua sử dụng (02 lọ mực màu xanh, 02 lọ mực màu đỏ, 01 lọ mực màu đen, 01 lọ mực màu vàng); 01 kẹp kim loại dài 29 cm, rộng 2,5 cm, mặt trong 02 đầu kẹp, phía ngoài có dính 02 miếng nhựa tròn, đường kính 2,5 cm, đối xứng nhau, 01 miếng dập nổi và 01 miếng dập chìm các chữ “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỈNH SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO”; 01 kẹp kim loại dài 29 cm, rộng 2,5 cm, mặt trong 02 đầu kẹp, phía ngoài có dính 02 miếng nhựa tròn, đường kính 2,5 cm, đối xứng nhau, 01 miếng dập nổi và 01 miếng dập chìm các chữ “ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H12 TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI”; 01 viên gạch men màu đen, cạnh dài nhất 60 cm, cạnh ngắn nhất 49 cm, dày 1,3 cm; 01 con dao dọc giấy, màu đỏ, không rõ nhãn hiệu; 01 chiếc thước kẻ, bằng nhựa loại 30 cm, nhãn hiệu GSTAR. Đối với 02 chứng chỉ đào tạo vận hành xe cơ giới mang tên “Nguyễn Lê Phước B1” và chứng chỉ sơ cấp vận hành cần trục mang tên “Nguyễn Trọng T4”, T khai là do T làm giả để bán cho khách (không rõ nhân thân, lai lịch) nhưng chưa kịp bán thì bị khám xét thu giữ. Quá trình làm việc với Cơ quan CSĐT, Nguyễn Văn T còn tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8Plus, màu trắng, số IMEI 356768089929626, lắp sim số 0878.515.720.

Về cách thức làm giả, trao đổi thông tin và giao dịch tài liệu, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thành L1, Nguyễn Mạnh H2, Phạm Thị O khai nhận như sau:

Từ khoảng tháng 01/2024, Nguyễn Văn T không có nghề nghiệp ổn định, đã nảy sinh ý định làm giả các bằng cấp, chứng chỉ của các cơ quan, tổ chức để bán cho người có nhu cầu sử dụng để kiếm lời. T đã vào mạng xã hội Facebook đặt mua các công cụ, thiết bị của người không rõ lai lịch, cụ thể gồm: 01 bộ máy tính bàn đã cài đặt sẵn phần mềm chỉnh sửa ảnh, chứa các file dữ liệu, thông tin về các loại bằng cấp, chứng chỉ; 01 máy in màu; 01 máy phô tô, 01 máy ép nhiệt, các loại giấy khổ A4, A5; mực in màu; bút mực xanh; thước; kéo... Trong máy tính đã được cài đặt sẵn nhiều file dữ liệu về các loại bằng cấp, chứng chỉ giả và có sẵn hình dấu của các đơn vị cấp bằng hoặc chứng chỉ giả. Khi khách đặt mua loại nào thì T chỉ cần chọn đúng loại bằng, chứng chỉ đó rồi nhập các thông tin cá nhân của người đặt mua vào trong ứng dụng chỉnh sửa ảnh; xong thì dùng máy in màu để in bằng cấp, chứng chỉ đó, rồi T dùng bút mực xanh tự giả mạo chữ ký những người có thẩm quyền của các cơ quan, tổ chức; làm xong thì T cho tài liệu này vào máy ép nhiệt để ép plastic và hoàn thành việc làm giả tài liệu (coi là bản gốc). Nếu khách có yêu cầu phô tô công chứng bao nhiêu bản thì T cho tài liệu giả gốc vào máy phô tô ra bấy nhiêu bản, rồi dùng máy tính chỉnh sửa con dấu của các văn phòng công chứng theo ý muốn rồi cho bản phô tô vào máy in màu để in, xong T dùng bút mực xanh tự ký vào phần của công chứng viên.

Quá trình giao dịch làm giả tài liệu, T sử dụng tài khoản Zalo tên “Q” được đăng nhập bằng số điện thoại “0878.515.720” nhắn tin trao đổi về việc đặt

làm giả các tài liệu với các tài khoản Zalo tên “Nguyễn H7” đăng nhập bằng số điện thoại “0348.615.540” của L1; tài khoản Zalo tên “Lợn béo” đăng nhập bằng số điện thoại “0836.075.384” của H2 và tài khoản Zalo tên “Oanh P”, đăng nhập bằng số điện thoại “0363.746.993” của O. Quá trình nhắn tin trao đổi mua bán tài liệu giả qua ứng dụng Zalo, T, H2, L1, O thống nhất với nhau cài đặt chế độ tin nhắn tự xóa hàng ngày và thường xuyên xóa các thông tin dữ liệu của khách hàng để tránh bị các cơ quan chức năng phát hiện.

Về hình thức giao dịch với khách hàng: khi có khách hàng hỏi mua thì L1, H2, O tự đưa ra giá bán và yêu cầu khách gửi thông tin cá nhân, hình ảnh chân dung cho mình, rồi chuyển đến tài khoản Zalo “Quỳnh Nga” để T sử dụng máy vi tính, máy in màu, máy phôi tô, máy ép nhiệt và tự giả mạo chữ ký của các cơ quan, tổ chức để làm giả ra các tài liệu theo yêu cầu của khách mua (*một bộ tài liệu giả thường là 01 bản gốc và một số bản phôi tô sao y công chứng*). Khi làm xong, T cho tài liệu giả vào phong bì thư gửi theo đường xe khách cho L1, H2, O. Nếu ở gần thì L1, H2, O sẽ tự đi giao và thu tiền của khách còn ở xa thì L1, H2, O gửi theo đường xe khách và nhà xe sẽ thu hộ tiền cho L1, H2, O. Mỗi bộ tài liệu giả giao thành công, L1 trả công cho T 400.000 đồng/bộ; H2 và O trả công cho T 500.000 đồng/bộ. Về cách thức thanh toán tiền mua bán giấy tờ giả, T sử dụng tài khoản ngân hàng số 10003777888999 mở tại ngân hàng TMCP Q2, mang tên NGUYEN VAN THIEN của T; Nguyễn Thành L1 sử dụng tài khoản ngân hàng số 898061282, mang tên LY VAN ANH mở tại ngân hàng TMCP Q3, được L1 mua trên mạng xã hội với giá 2.000.000 đồng; Nguyễn Mạnh H2 sử dụng tài khoản ngân hàng số 992012346666, mang tên NGUYEN MANH HUNG mở tại ngân hàng TMCP V của H2; Phạm Thị O sử dụng tài khoản ngân hàng số 19040063229019, mang tên PHAM THI OANH mở tại ngân hàng TMCP K1 của O để nhận, chuyển tiền mua bán tài liệu giả và thực hiện các giao dịch cá nhân, giao dịch vay nợ khác.

Căn cứ kết quả kiểm tra điện thoại, kiểm tra lịch sử tin nhắn Zalo, sao kê tài khoản ngân hàng, lời khai của T, L1, H2, O và người liên quan, có căn cứ xác định số lượng tài liệu làm giả, tiền thu lợi từ việc bán tài liệu giả do T, L1, H2, O, như sau:

1. Hành vi của Nguyễn Thành L1 đã giúp sức cho Nguyễn Văn T làm giả và bán 24 tài liệu cho người mua

Từ khoảng tháng 01/2024, L1 đã gửi thông tin của nhiều người mua tài liệu bằng cấp, chứng chỉ giả cho T để làm giả các bằng cấp, chứng chỉ rồi bán cho người mua để thu lợi, nhưng đến nay L1 không nhớ cũng như không lưu giữ thông tin cá nhân của những người đặt mua giấy tờ giả. Tiền công làm giả tài liệu của T được L1 trả theo đường xe khách hoặc chuyển khoản, sau khi bán được tài liệu giả. Sau khi được Cơ quan CSĐT cho xem lại toàn bộ nội dung sao kê tài khoản ngân hàng của L1, số H, mang tên LY VAN ANH mở tại ngân hàng TMCP Q3 thì L1 xác nhận các giao dịch sau đây là tiền của những người đặt mua tài liệu giả chuyển cho L1 gồm:

- Vào 13 giờ 07 phút, ngày 15/4/2025, tài khoản ngân hàng số 0977251356 mở tại ngân hàng TMCP Q2, mang tên “DANG HOAI LINH” chuyển cho L1 số tiền 2.050.000 đồng để mua 01 tài liệu giả với nội dung chuyển khoản “DANG HOAI LINH chuyen tien lam bang” (*L1 đã chuyển cho T số tiền 400.000 đồng làm giả tài liệu, L1 hưởng lợi 1.650.000 đồng*).

- Vào 20 giờ 22 phút, ngày 19/4/2025, tài khoản ngân hàng số 105882863126 mở tại ngân hàng TMCP C3, mang tên “NGUYEN VAN HUAN” chuyển cho L1 số tiền 1.300.000 đồng để mua 01 tài liệu giả với nội dung chuyển khoản “chuyen tien chung chi” (*L1 đã chuyển cho T số tiền 400.000 đồng làm giả tài liệu, L1 hưởng lợi 900.000 đồng*).

- Vào 11 giờ 40 phút, ngày 02/8/2025, tài khoản ngân hàng số 00003090749 mở tại ngân hàng TMCP T5, mang tên “NGUYEN THI NGOC GIAU” chuyển cho L1 số tiền 4.500.000 đồng để mua 01 tài liệu giả với nội dung chuyển khoản “ck giao to” (*L1 đã chuyển cho T số tiền 400.000 đồng làm giả tài liệu, L1 hưởng lợi 4.100.000 đồng*).

- Vào 20 giờ 58 phút, ngày 21/12/2025, tài khoản ngân hàng số 19025897908021 mở tại ngân hàng TMCP K1, mang tên “BUI HONG HANH” chuyển cho L1 số tiền 1.200.000 đồng để mua 01 tài liệu giả với nội dung chuyển khoản “giao to” (*L1 đã chuyển cho T số tiền 400.000 đồng làm giả tài liệu, L1 hưởng lợi 800.000 đồng*).

Quá trình điều tra còn xác định: ngày 05/01/2026, L1 đã đăng thông tin lên mạng xã hội Facebook thì có người mua (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đặt mua 20 tài liệu gồm: 01 chứng chỉ sơ cấp nghề vận hành xe lu, mang tên “Vy Đức K” cùng 03 bản phô tô công chứng; 01 bằng kỹ sư ngành kỹ thuật điện tử - viễn thông, mang tên “Nguyễn Văn L5” kèm 03 bản phô tô công chứng; 01 bằng điểm, mang tên “Nguyễn Văn L5” kèm 03 bản phô tô công chứng; 01 bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, mang tên “Hoàng Văn Đ1” kèm 07 bản phô tô công chứng, nhưng L1 không nhớ thông tin cụ thể của những người mua này; sau đó, L1 đã chuyển các thông tin cá nhân, ảnh chân dung của những người mua qua tin nhắn zalo cho T để làm giả. Cùng ngày 05/01/2026, T đã làm xong và chuyển tổng số 20 tài liệu theo đơn đặt hàng của L1 qua bến xe nước ngầm, L1 đã nhận đủ số tài liệu trên nhưng chưa kịp giao tài liệu và thu tiền của khách, nên L1 chưa thanh toán tiền làm giả tài liệu trên cho T. Đến ngày 06/01/2026, do việc làm giả bị phát hiện nên L1 đã đầu thú và giao nộp lại toàn bộ 20 tài liệu trên cho Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q.

Tại các bản Kết luận giám định số 87/KL-KTHS ngày 12/01/2026, số 130/KL-KTHS ngày 16/01/2026, số 402/KL-KTHS ngày 24/02/2026, số 436/KL-KTHS ngày 04/3/2026, số 497/KL-KTHS ngày 16/03/2026 của Phòng K2 Công an tỉnh Q, thể hiện:

- 01 “Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông” ghi do Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Q cấp cho “Hoàng Văn Đ1”, đề ngày 18/10/2012 và 07 bản sao “Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông” ghi họ và tên: “Hoàng Văn Đ1”, thu giữ trong vụ án gửi giám định là tài liệu giả.

- 01 “Chứng chỉ sơ cấp” do trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương III cấp cho “Vy Đức K”, thu giữ trong vụ án gửi giám định là tài liệu giả.

- 03 Bản sao “Chứng chỉ sơ cấp” ghi của “Trường cao đẳng G1” cấp ngày 20/12/2018 cho “Vy Đức K”, ngày sinh 09/05/1986; 03 Bản sao “Bảng kết quả học tập” ghi do “Trường Đại học B2” cấp cho “Nguyễn Văn L5”, ngày sinh 01/10/1996; 03 Bản sao “Bằng kỹ sư ngành kỹ thuật điện tử - viễn thông” ghi do “Trường Đại học B2, Đại học B2” cấp ngày 28/10/2019 cho “Ông Nguyễn Văn L5”, ngày sinh 17/01/1996, thu giữ trong vụ án gửi giám định là tài liệu giả.

- 01 “Bằng kỹ sư ngành kỹ thuật điện tử - viễn thông” ghi do “Trường Đại học B2, Đại học B2” cấp cho “Ông Nguyễn Văn L5”, ngày sinh 17/01/1996, đề ngày 28/10/2019; 01 “Bảng kết quả học tập” ghi của “Trường Đại học B2” cấp cho Nguyễn Văn L5, ngày sinh 01/10/1996, thu giữ trong vụ án gửi giám định là tài liệu giả.

Cơ quan điều tra đã xác minh, triệu tập làm việc với những người liên quan: anh Nguyễn Văn H8, sinh năm 1989, trú tại tổ F, phường V, thành phố Hà Nội; chị Đặng Hoài L6, sinh năm 2002, trú tại xóm T, xã T, tỉnh Nghệ An và chị Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1993, trú tại 8 bến T, ấp B, xã P, thành phố Hồ Chí Minh là những chủ tài khoản thực hiện giao dịch chuyển khoản với Nguyễn Thành L1 vào các ngày 15/4/2025, 19/4/2025, 02/8/2025, khai: anh H8, chị L6, chị G đều làm lao động tự do tại địa phương không có nhu cầu sử dụng tài liệu giả. Tuy nhiên, lần lượt vào các ngày 15/4/2025, 19/4/2025, 02/8/2025, chị L6, anh H8, chị G được người không rõ nhân thân, lai lịch đưa tiền mặt rồi nhờ sử dụng tài khoản cá nhân của các anh chị chuyển khoản số tiền lần lượt là 2.050.000 đồng, 1.300.000 đồng, 4.500.000 đồng đến tài khoản ngân hàng V1, mang tên “LY VAN ANH”. Anh H8, chị L6, chị G không quen biết nhân thân, lai lịch người nhờ chuyển tiền, không biết mục đích chuyển tiền để mua tài liệu giả.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q tiến hành triệu tập, xác minh làm việc đối với chị Bùi Hồng H9, sinh năm 1996, trú tại ô số E, HH5 KĐT Mới V, phường V, thành phố Hà Nội, kết quả: chị Bùi Hồng H9 vắng mặt tại địa phương, hiện tại chị H9 đang đi xuất khẩu lao động tại Úc.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q tiến hành triệu tập, xác minh làm việc đối với anh Lý Văn A1, sinh năm 2004, trú tại thôn H, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang, kết quả: nhà anh Lý Văn A1 để hoang, không có người sinh sống, anh Lý Văn A1 đã vắng mặt tại địa phương nhiều năm, không biết đi đâu, làm gì, với ai.

Như vậy, có căn cứ xác định: từ khoảng tháng 01/2024 đến ngày 05/01/2026, Nguyễn Thành L1 đã có hành vi đăng thông tin lên mạng xã hội Facebook tìm kiếm khách hàng rồi cung cấp thông tin khách hàng để Nguyễn Văn T làm giả tổng số 24 tài liệu bằng cấp, chứng chỉ giả bán cho khách để thu lợi. Trong đó, L1 đã thu của khách tổng số tiền 9.050.000 đồng, L1 hưởng lợi là 7.450.000 đồng, T hưởng lợi là 1.600.000 đồng.

2. Hành vi của Nguyễn Mạnh H2 đã giúp sức cho Nguyễn Văn T làm giả và bán 06 tài liệu cho người mua

Từ khoảng tháng 06/2024, H2 đã nhận thông tin của nhiều người mua tài liệu bằng cấp, chứng chỉ giả rồi chuyển cho T để làm giả các bằng cấp, chứng chỉ rồi bán cho người mua để thu lợi, nhưng đến nay H2 chỉ nhớ thông tin cá nhân của hai người mua chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh giả, là chị Phạm Thị C1, sinh năm 1987, trú tại thôn H, xã Đ, tỉnh Hưng Yên và chị Bùi Hồng N, sinh năm 1991, trú tại tổ B, khu P, phường Y, tỉnh Quảng Ninh. Tiền công làm giả tài liệu của T được H2 trả theo đường xe khách sau khi nhận được tài liệu giả. Kết quả điều tra xác định: khoảng tháng 11/2024, chị Phạm Thị C1 đã tìm hiểu và liên hệ với H2 đặt mua 01 Chứng chỉ quốc phòng - an ninh giả và được H2 báo giá với số tiền 1.800.000 đồng thì chị C1 đồng ý và cung cấp thông tin cá nhân, ảnh cho H2, rồi H2 chuyển cho T để làm giả 01 chứng chỉ Quốc phòng - an ninh mang tên Phạm Thị C1. Sau khi làm xong, T đã chuyển chứng chỉ trên cho H2 để bán cho chị C1. Khi nhận được tài liệu giả, chị C1 đã chuyển khoản số tiền 1.800.000 đồng đến số tài khoản của H2 ngân hàng TMCP V2, số 99201234666 mang tên NGUYEN MANH HUNG của H2. Sau đó H2 đã thanh toán tiền công cho T là 500.000 đồng. Hiện chứng chỉ Quốc phòng - an ninh giả, chị C1 chưa sử dụng mà cất giữ tại nhà, chị đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra; vụ này, H2 hưởng lợi 1.300.000 đồng, T hưởng lợi 500.000 đồng. Đến khoảng tháng 12/2024, chị Bùi Hồng N đã tìm hiểu và liên hệ với Nguyễn Mạnh H2 đặt mua 01 Chứng chỉ quốc phòng - an ninh, kèm theo 01 bản phô tô công chứng giả và được H2 báo giá với số tiền 1.100.000 đồng thì chị N đồng ý, rồi cung cấp thông tin cá nhân cho H2; H2 đã chuyển cho T để làm giả 01 chứng chỉ Quốc phòng - an ninh kèm theo 01 bản phô tô công chứng mang tên Bùi Hồng N. Làm xong, T chuyển cho H2 để bán cho chị N; sau khi nhận được tài liệu, chị N đã thanh toán số tiền 1.100.000 đồng qua xe khách cho H2, rồi H2 thanh toán tiền công cho T là 500.000 đồng. Hiện chị N không sử dụng chứng chỉ trên mà cất ở nhà nên chị đã tự nguyện giao nộp 01 bản gốc, 01 bản phô tô công chứng Chứng chỉ trên cho Cơ quan điều tra; vụ này, H2 hưởng lợi 600.000 đồng, T hưởng lợi 500.000 đồng. Cơ quan điều tra đã xác minh, triệu tập làm việc Phạm Thị C1 và Bùi Hồng N, kết quả cả C1 và N khai nhận phù hợp với lời khai nhận của H2 và T.

Tiếp đến, ngày 05/01/2026, H2 đã đăng thông tin lên mạng xã hội Facebook thì có người nhắn tin đến tài khoản Zalo cho H2 (đến nay H2 không nhớ thông tin) đặt mua 03 tài liệu giả cho 02 người, mang tên Nguyễn Thị T3, sinh ngày 27/01/1997, nơi sinh Hà Tĩnh, số căn cước công dân: 042197000187 và chị Đặng Thị H6, sinh ngày 23/6/2001, nơi sinh Thái Nguyên, số căn cước công dân: 019301005241, cụ thể gồm: 01 chứng chỉ ngoại ngữ ngôn ngữ tiếng Anh bậc 2, mang tên “Nguyễn Thị T3”; 01 giấy xác nhận kết quả đánh giá năng lực tiếng Anh của trường Đại học S1, mang tên “Nguyễn Thị T3”; 01 chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, mang tên “Đặng Thị H6”. Sau khi H2 nhận được các thông tin cá nhân, ảnh chân dung của T3 và H6, H2 đã chuyển qua tin nhắn Zalo cho T để làm giả. Cùng ngày 05/01/2026, T đã làm xong và chuyển tổng số 03 tài liệu theo đơn đặt hàng của H2 qua bến xe nước ngầm, H2 đã nhận đủ số tài liệu trên nhưng chưa kịp giao tài liệu và thu tiền của T3 và H6

nên chưa thanh toán tiền làm giả tài liệu trên cho T. Đến ngày 06/01/2026, do việc làm giả bị phát hiện, H2 đã giao nộp lại toàn bộ 03 tài liệu trên cho Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q. Cơ quan điều tra đã xác minh, lấy lời khai Nguyễn Thị T3 và Đặng Thị H6, cả 02 đều khai nhận: chị T3 là nhân viên văn phòng T6, địa chỉ số A, ngõ A, đường T, phường T, tỉnh Hà Tĩnh; còn chị H6 là nhân viên y tế phòng khám Đ3, địa chỉ tại Trung Hậu Đ, thôn T, xã M, thành phố Hà Nội nên không có nhu cầu mua giấy tờ giả nêu trên nên không đặt mua tài liệu giả của ai, không quen biết người nào sử dụng tài khoản Zalo tên “Lợn Béo” và người có tên Nguyễn Mạnh H2; T3, H6 không biết lý do tại sao bị lộ thông tin căn cước công dân dẫn đến việc có đối tượng lợi dụng làm giả các chứng chỉ mang tên của chị T3, chị H6.

Tại các bản Kết luận giám định số 131/KL-KTHS ngày 16/01/2026, số 553/KL-KTHS ngày 24/3/2026 và số 945/KL-KTHS ngày 21/05/2026 của Phòng K2 Công an tỉnh Q, thể hiện:

01 “Chứng chỉ ngoại ngữ” ngôn ngữ tiếng Anh ghi của trường đại học S1 cấp cho “Nguyễn Thị T3”, đề ngày 19/12/2025; 01 “Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (đạt chuẩn theo thông tư 03/2014/TT-BTTTT)” ghi của trường đại học S1 cấp cho: “Đặng Thị H6”, đề ngày 26/11/2025; 01 “Giấy xác nhận kết quả” ghi của trường Đại học S1 ghi tên thí sinh: “Nguyễn Thị T3”, đề ngày 28/11/2025, thu giữ trong vụ án gửi giám định là tài liệu giả;

01 “Chứng chỉ giáo dục quốc phòng an ninh” ghi do “Trường đại học S1” cấp cho “Phạm Thị C1”, sinh ngày 01/06/1987, đề ngày 28/8/2023, thu giữ trong vụ án gửi giám định là tài liệu giả;

01 “Chứng chỉ giáo dục quốc phòng - an ninh” ghi do “Trường Đại học S1” cấp cho Bùi Hồng N, ngày sinh 24/01/1991, đề ngày 23/10/2024 và 01 bản sao “Chứng chỉ giáo dục quốc phòng - an ninh” ghi do “Trường Đại học S1” cấp ngày 23/10/2024 cho “Bùi Hồng N”, ngày sinh 24/01/1991, thu giữ trong vụ án gửi giám định là tài liệu giả.

Như vậy, có căn cứ xác định: từ khoảng tháng 6/2024 đến ngày 05/01/2026, Nguyễn Mạnh H2 đã có hành vi đăng thông tin lên mạng xã hội Facebook tìm kiếm khách hàng rồi cung cấp thông tin khách hàng để Nguyễn Văn T làm giả tổng số 06 tài liệu chứng chỉ, bằng cấp giả bán cho khách để thu lợi. Trong đó, H2 đã thu của khách tổng số tiền 2.900.000 đồng, H2 hưởng lợi là 1.900.000 đồng, T hưởng lợi là 1.000.000 đồng.

3. Hành vi O đã giúp sức cho T làm giả và bán 16 tài liệu cho người mua

Từ khoảng tháng 2/2025, O đã gửi thông tin của nhiều người mua tài liệu bằng cấp, chứng chỉ giả cho T để làm các bằng cấp, chứng chỉ giả rồi bán cho người mua để thu lợi, nhưng do O bị mất điện thoại nên không lưu giữ những thông tin của người đặt mua giấy tờ giả. Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q cho O xem lại toàn bộ nội dung sao kê tài khoản ngân hàng số 19040063229019, mang tên PHAM THI OANH mở tại ngân hàng TMCP K1 thì

O xác nhận các giao dịch và những người đặt mua tài liệu giả chuyển cho O như sau:

Khoảng tháng 02/2025 và tháng 10/2025, anh Phạm Hoàng Q, sinh năm 1994, trú tại số D H, phường H, thành phố Hải Phòng có nhu cầu xin làm việc tại khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng nên đã đặt mua của Phạm Thị O 01 bằng tốt nghiệp cao đẳng chuyên ngành kỹ thuật, điện tử kèm theo 01 bằng kết quả học tập và 01 chứng chỉ vận hành thiết bị xe nâng và được O báo giá với tổng số tiền 3.300.000 đồng thì anh Q đồng ý. Sau đó, O đã chuyển thông tin cá nhân, ảnh chân dung của anh Q cho T để làm giả 03 tài liệu trên rồi chuyển lại cho O. Sau đó, O đã chuyển 03 tài liệu qua xe khách cho anh Q và được anh Q chuyển khoản số tiền 3.300.000 đồng đến tài khoản của O; O đã chuyển cho T 1.000.000 đồng tiền công làm giả, còn O hưởng lợi 2.300.000 đồng. Sau khi nhận các bằng cấp trên, anh Q phát hiện thông tin trong bằng tốt nghiệp cao đẳng giả sai thông tin nên anh không sử dụng và tự nguyện giao nộp lại 03 tài liệu trên cho Cơ quan CSĐT.

Đến tháng 4/2025, anh Bùi Văn C2, sinh năm 2002, trú tại thôn N, xã T, thành phố Hải Phòng khai có nhu cầu xin việc nên đã đặt mua của Phạm Thị O 01 chứng chỉ vận hành xe nâng thì được O báo giá với số tiền là 1.600.000 đồng thì anh C2 đồng ý. Sau đó, O đã chuyển thông tin cá nhân của anh C2 cho T để làm giả 01 chứng chỉ vận hành xe nâng rồi chuyển lại cho O để giao qua xe khách bán cho anh C2. Ngày 21/4/2025, anh C2 nhận được chứng chỉ do O gửi thì đã nhờ bạn là Nguyễn Văn Đ2 sử dụng tài khoản ngân hàng số 0984554712, mang tên “NGUYEN VAN DUC” mở tại ngân hàng TMCP Q2 chuyển khoản thanh toán cho Phạm Thị O 1.600.000 đồng, O đã trả công cho T 500.000, O hưởng lợi 1.100.000 đồng. Sau khi nhận được chứng chỉ giả anh C2 cất ở nhà và không sử dụng, nên anh đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Tháng 8/2025, chị Nguyễn Thị Lan D, sinh năm 1979, trú tại 1/137, L, phường G, thành phố Hải Phòng có nhu cầu sử dụng bằng cao đẳng, đại học mầm non nên đã đặt mua của Phạm Thị O 01 bằng cao đẳng, 01 bằng đại học sư phạm mầm non và được O báo giá với số tiền 5.700.000 đồng thì chị D đồng ý và chuyển khoản thanh toán 5.700.000 đồng cho O. Sau đó, O đã chuyển thông tin cá nhân của chị D cho T để làm giả 01 bằng cao đẳng và 01 bằng đại học rồi chuyển lại cho O; nhận được, O đã chụp ảnh gửi cho chị D nhưng qua kiểm tra, chị thấy sai thông tin nên không nhận bằng nữa, sau đó, O đã đốt, tiêu hủy 02 tài liệu này. Vụ này, O trả công cho T 1.000.000 đồng, còn mình hưởng lợi 4.700.000 đồng.

Khoảng tháng 09/2025, do có nhu cầu xin việc nên chị Hoàng Thị Ngọc H4, sinh năm 1985, trú tại tổ D, khu D, phường C, tỉnh Quảng Ninh và chị Trần Thị Thúy L4, sinh năm 1982, trú tại tổ F, khu H, phường Q, tỉnh Quảng Ninh là bạn quen biết nhau, do đều có nhu cầu xin việc nhưng chưa có bằng trung học phổ thông nên chị H4 và chị L4 đã bàn bạc để chị H4 lên mạng xã hội Facebook tìm kiếm và liên hệ với Phạm Thị O đặt mua 02 bằng tốt nghiệp trung học phổ thông gồm 01 bằng mang tên Hoàng Thị Ngọc H4 và 01 bằng mang tên Trần

Thị Thúy L4 kèm theo 03 bản sao công chứng và được O báo giá là 2.000.000 đồng/01 bằng thì chị H4 đồng ý. Sau đó, O chuyển thông tin cá nhân của chị H4, chị L4 cho T để T làm giả 02 bằng trung học phổ thông mang Hoàng Thị Ngọc H4 và mang tên Trần Thị Thúy L4 kèm theo 03 bản sao công chứng rồi chuyển lại cho O để O giao lại cho chị H4. Ngày 03/9/2025, chị H4 đã chuyển trước 2.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng V3 số 104869818311 mang tên “HOANG THI NGOC HOA” đến số tài khoản ngân hàng T7 số 19040063229019 của O. Khoảng 01 tuần sau, khi chị H4 nhận được 02 bằng tốt nghiệp trung học phổ thông mang tên Hoàng Thị Ngọc H4 và Trần Thị Thúy L4, kèm theo 03 bản sao công chứng thông qua nhà xe khách Hải Phòng - Quảng Ninh thì chị H4 thanh toán số tiền còn lại 2.000.000 đồng qua xe khách cho O, đồng thời H4 đưa cho chị L4 01 bằng tốt nghiệp trung học phổ thông và 03 bản sao công chứng mang tên chị L4. Nhận được tiền, O đã chuyển cho T 1.000.000 đồng tiền công, còn mình hưởng lợi 3.000.000 đồng. Sau khi nhận được bằng giả thì chị H4 và chị L4 đều cầm về cất giữ ở nhà riêng, nhưng sau đó không có nhu cầu xin việc làm nữa. Đến đầu tháng 3/2026 qua mạng xã hội và báo đài tuyên truyền về pháp luật, chị H4 và chị L4 nhận thức được việc mua bằng tốt nghiệp giả trên mạng là vi phạm nên đã đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q trình báo sự việc và giao nộp 02 bằng tốt nghiệp trung học phổ thông kèm theo 03 bản công chứng giả đã đặt mua nêu trên.

Khoảng tháng 11/2025, anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1996, trú tại thôn T, xã C, tỉnh Bắc Ninh có nhu cầu xin việc làm ở khu công nghiệp T tỉnh Bắc Ninh nên đặt mua của Phạm Thị O 01 chứng chỉ vận hành xe nâng và được O báo giá với số tiền 1.800.000 đồng thì anh B đồng ý. O đã gửi thông tin cá nhân của anh B cho T để T làm giả tài liệu trên rồi chuyển lại cho O để O giao qua xe khách cho anh B. Sau khi nhận được chứng chỉ anh B đã chuyển khoản số tiền 1.800.000 đồng đến tài khoản ngân hàng của O, sau đó O đã chuyển cho T 500.000 đồng tiền công, còn mình hưởng lợi 1.300.000 đồng. Khi nhận chứng chỉ giả, anh B kiểm tra thấy thông tin ngày, tháng, năm sinh không đúng nên đã đem đốt, tiêu hủy tài liệu trên.

Cơ quan điều tra đã xác minh, triệu tập làm việc với những người liên quan: anh Phạm Hoàng Q, anh Bùi Văn C2, chị Nguyễn Thị Lan D, chị Hoàng Thị Ngọc H4 và Trần Thị Thúy L4, anh Nguyễn Văn B đều có lời khai phù hợp nội dung nêu trên. Riêng chị Trịnh Kim P1, sinh năm 1987, nơi thường trú tại TDP H, phường K, thành phố Hải Phòng khai: chị P1 làm công việc bán tạp hóa tại nhà. Vào các ngày 05/4/2025, 08/4/2025, 12/6/2025, 16/6/2025, 09/10/2025, 11/10/2025, 05/12/2025, 09/12/2025 có một người phụ nữ lạ mặt đến cửa hàng tạp hóa đưa tiền mặt cho chị và nhờ chị sử dụng tài khoản cá nhân chuyển khoản đến số tài khoản của Phạm Thị O, tổng số tiền là 11.200.000 đồng, nhưng chị không biết thông tin lai lịch cụ thể của người phụ nữ đó và cũng không biết việc người phụ nữ đó nhờ chuyển tiền để thanh toán tiền làm giả tài liệu. Cụ thể:

- Vào 11 giờ 54 phút, ngày 05/4/2025, tài khoản ngân hàng số 9988682909 mở tại ngân hàng TMCP V4, mang tên “TRINH KIM PHUONG”

chuyển cho O số tiền 1.000.000 đồng. Sau đó, O chuyển số tiền 500.000 đồng đến tài khoản ngân hàng số 10003777888999 mở tại ngân hàng TMCP Q2 của T để đặt làm 01 tài liệu giả. Đến ngày 08/4/2025, sau khi nhận được tài liệu giả thì tài khoản ngân hàng số 90988682909 mở tại ngân hàng TMCP V5 mang tên “TRINH KIM PHUONG” chuyển cho O số tiền 1.800.000 đồng để thanh toán (*O đã thu của khách tổng số tiền 2.800.000 đồng và chuyển cho T số tiền 500.000 đồng, O hưởng lợi 2.300.000 đồng*).

- Vào 11 giờ 26 phút, ngày 12/6/2025, tài khoản ngân hàng số 9988682909 mở tại ngân hàng TMCP V4, mang tên “TRINH KIM PHUONG” chuyển cho O số tiền 1.000.000 đồng. Sau đó, O chuyển số tiền 500.000 đồng đến tài khoản ngân hàng số 10003777888999 mở tại ngân hàng TMCP Q2 của T để đặt làm 01 tài liệu giả. Đến ngày 16/6/2025, tài khoản ngân hàng số 9988682909 mở tại ngân hàng TMCP V4, mang tên “TRINH KIM PHUONG” chuyển cho O số tiền 1.800.000 đồng để thanh toán (*O thu của khách tổng số tiền 2.800.000 đồng, chuyển cho T số tiền 500.000 đồng, O hưởng lợi 2.300.000 đồng*).

- Vào 16 giờ 40 phút, ngày 09/10/2025, tài khoản ngân hàng số 9988682909 mở tại ngân hàng TMCP V4, mang tên “TRINH KIM PHUONG” chuyển cho O số tiền 1.000.000 đồng. Sau đó, O chuyển số tiền 300.000 đồng đến tài khoản ngân hàng số 10003777888999 mở tại ngân hàng TMCP Q2 cho T (chuyển cho T 200.000 đồng qua xe khách). Đến ngày 11/10/2025, tài khoản ngân hàng số 9988682909 mở tại ngân hàng TMCP V4, mang tên “TRINH KIM PHUONG” chuyển cho O số tiền 1.800.000 đồng để thanh toán (*O đã thu của khách tổng số tiền 2.800.000 đồng, chuyển cho T số tiền 500.000 đồng, O hưởng lợi 2.300.000 đồng*).

- Vào 21 giờ 15 phút, ngày 05/12/2025, tài khoản ngân hàng số 9988682909 mở tại ngân hàng TMCP V4, mang tên “TRINH KIM PHUONG” chuyển cho O số tiền 1.000.000 đồng. Sau đó, O chuyển số tiền 500.000 đồng đến tài khoản ngân hàng số 10003777888999 mở tại ngân hàng TMCP Q2 cho T để làm tài liệu giả. Đến ngày 09/12/2025, tài khoản ngân hàng số 9988682909 mở tại ngân hàng TMCP V4, mang tên “TRINH KIM PHUONG” chuyển cho O số tiền 1.800.000 đồng để thanh toán (*O đã thu của khách tổng số tiền 2.800.000 đồng, chuyển cho T số tiền 500.000 đồng, O hưởng lợi 2.300.000 đồng*).

Tại các bản Kết luận giám định số 541/KL-KTHS ngày 20/03/2026, số 886/KL-KTHS ngày 12/05/2026 và số 595/KL-KTHS ngày 30/03/2026 của Phòng K2 Công an tỉnh Q, thể hiện:

- 01 “Bằng trung học phổ thông” ghi do “Sở giáo dục đào tạo tỉnh Q” cấp cho “Hoàng Thị Ngọc H4”, sinh ngày 02/03/1985, đề ngày 9/10/2023; 01 “Bằng trung học phổ thông” ghi do “Sở G” cấp cho “Trần Thị Thúy L4”, sinh ngày 10/06/1982, đề ngày 9/10/2000, thu giữ trong vụ án gửi giám định là tài liệu giả;

- 01 “Chứng chỉ sơ cấp Bạc 1” ghi do “Trường Cao đẳng D1” cấp cho “Phạm Hoàng Q”, ngày sinh: 14/12/1994, đề ngày 18/08/2019; 01 “Bằng tốt nghiệp cao đẳng Công nghệ kỹ thuật, điện tử” ghi do “Trường Đại học H13” cấp

cho “Phạm Hoàng Q”, ngày sinh 14/12/1994, đề ngày 23/6/2015; 01 “Bảng kết quả học tập” ghi của “Trường Đại học H13” cấp cho “Nguyễn Hoàng Q1”, ngày sinh 14/12/1994, đề ngày 23/6/2015, thu giữ trong vụ án gửi giám định là tài liệu giả;

- 01 “Chứng chỉ sơ cấp” ghi do Trường Cao đẳng V6 cấp cho “Bùi Văn C2”, sinh ngày 14/07/2002, đề ngày 15/08/2022; 03 bản sao “Bảng trung học phổ thông” ghi họ và tên: “Trần Thị Thúy L4”, thu giữ trong vụ án gửi giám định là tài liệu giả.

Như vậy, có căn cứ xác định: từ khoảng tháng 02/2025 đến tháng 12/2025, Phạm Thị O đã có hành vi đăng thông tin tìm kiếm khách hàng rồi cung cấp thông tin khách hàng để Nguyễn Văn T làm giả tổng số 16 tài liệu bằng cấp, chứng chỉ giả để bán cho khách thu lợi. Trong đó, O đã thu của khách số tiền 27.600.000 đồng, O hưởng lợi số tiền 21.600.000 đồng, T hưởng lợi số tiền 6.000.000 đồng.

4. Hành vi làm giả của Nguyễn Văn T

Ngoài hành vi T làm 46 tài liệu giả cho L1, O và H2 để bán nêu trên, khám xét nơi ở của T còn thu giữ 01 chứng chỉ đào tạo vận hành xe cơ giới mang tên “Nguyễn Lê Phước B1” và 01 chứng chỉ sơ cấp vận hành cần trục mang tên “Nguyễn Trọng T4”, T khai đầu là do T làm giả để bán cho khách (không rõ nhân thân, lai lịch) nhưng chưa kịp bán thì bị khám xét thu giữ. Do T cài đặt điện thoại để chế độ tin nhắn tự xóa hàng ngày và thường xuyên xóa các thông tin dữ liệu của khách hàng nên không có căn cứ để xác minh nhân thân, lai lịch của người đặt mua 01 chứng chỉ đào tạo vận hành xe cơ giới mang tên “Nguyễn Lê Phước B1” và 01 chứng chỉ sơ cấp vận hành cần trục mang tên “Nguyễn Trọng T4”; Cơ quan CSĐT đã trưng cầu phục hồi các tin nhắn của T nhưng kết quả vẫn không rõ thông tin của Nguyễn Lê Phước B1 và Nguyễn Trọng T4.

Tại các bản Kết luận giám định số 436/KL-KTHS ngày 04/03/2026 và số 639/KL-KTHS ngày 03/04/2026 của Phòng K2 Công an tỉnh Q, thể hiện: 01 “Chứng chỉ đào tạo” ghi do trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương III cấp cho “Nguyễn Lê Phước B1”, đề ngày 16/10/2024; 01 “Chứng chỉ sơ cấp” ghi do “Trường Cao đẳng G2” cấp cho “Nguyễn Trọng T4”, sinh ngày 24/11/1998, đề ngày 15/06/2023, thu giữ trong vụ án gửi giám định là tài liệu giả.

Quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thành L1, Nguyễn Mạnh H2, Phạm Thị O khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Như vậy, có căn cứ xác định: từ khoảng tháng 01/2024 đến ngày 05/01/2026, T đã làm giả tổng số 48 tài liệu là bằng cấp, chứng chỉ giả để bán cho L1, H2, O và thu lợi tổng số tiền 8.600.000 đồng. Trong đó, L1 đã giúp sức cho T làm giả 24 tài liệu để bán cho người mua, L1 hưởng lợi là 7.450.000 đồng; H2 đã giúp sức cho T làm giả 06 tài liệu bán cho người mua, H2 hưởng lợi là 1.900.000 đồng; O đã giúp sức cho T làm giả 16 tài liệu và bán cho người mua, O hưởng lợi là 21.600.000 đồng.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo Nguyễn Văn T đã tác động gia đình tự nguyện nộp lại phần lớn số tiền thu lợi bất chính; bị cáo Nguyễn Thành L1, Nguyễn Mạnh H2 đã tác động gia đình tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thành L1, Phạm Thị O, Nguyễn Mạnh H2 khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Các bị cáo thừa nhận việc bị đưa ra xét xử là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, việc khai báo tự nguyện không bị ép buộc.

Những người làm chứng chị Phạm Thị C1, chị Bùi Hồng N, chị Hoàng Thị Ngọc H4, chị Trần Thị Thúy L4, anh Bùi Văn C2, chị Nguyễn Thị Lan D, anh Nguyễn Văn B, anh Phạm Hoàng Q tại giai đoạn điều tra đều có lời khai phù hợp với lời khai của các bị cáo, vật chứng thu giữ và phù hợp với nội dung vụ án.

Đối với 37 tài liệu bằng cấp, chứng chỉ là vật chứng thu giữ trong hồ sơ vụ án gồm: 01 chứng chỉ sơ cấp nghề vận hành xe lu, mang tên Vy Đức K cùng 03 bản phô tô công chứng; 01 bằng kỹ sư ngành kỹ thuật điện tử - viễn thông, mang tên Nguyễn Văn L5 kèm 03 bản phô tô công chứng; 01 bằng điểm, mang tên Nguyễn Văn L5 kèm 03 bản phô tô công chứng; 01 bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, mang tên Hoàng Văn Đ1 kèm 07 bản phô tô công chứng; 01 chứng chỉ ngoại ngữ ngôn ngữ Tiếng Anh bậc 2, mang tên Nguyễn Thị T3; 01 giấy xác nhận kết quả đánh giá năng lực tiếng Anh của trường Đại học S1, mang tên Nguyễn Thị T3; 01 chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, mang tên Đặng Thị H6; 01 Chứng chỉ giáo dục quốc phòng - an ninh mang tên Phạm Thị C1; 01 bản gốc Chứng chỉ quốc phòng - an ninh và 01 bản phô tô công chứng mang tên Bùi Hồng N; 01 chứng chỉ vận hành xe cơ giới mang tên Nguyễn Lê Phước B1; 01 chứng chỉ sơ cấp vận hành cần trục mang tên Nguyễn Trọng T4; 01 bằng tốt nghiệp trung học phổ thông mang tên Trần Thị Thúy L4 cùng 03 bản phô tô công chứng; 01 bằng tốt nghiệp trung học phổ thông mang tên Hoàng Thị Ngọc H4; 01 Chứng chỉ sơ cấp vận hành thiết bị nâng chuyển hàng hóa mang tên Phạm Hoàng Q; 01 bằng tốt nghiệp cao đẳng chuyên ngành kỹ thuật, điện tử mang tên Phạm Hoàng Q; 01 bằng kết quả học tập mang tên Nguyễn Hoàng Q1; 01 chứng chỉ vận hành xe nâng mang tên Bùi Văn C2 và 11 đĩa DVD ghi hình lời khai, hỏi cung bị cáo T, L1, H2, O, mô tả hành vi và ghi dữ liệu giám định được Cơ quan điều tra chuyển kèm theo hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số 148/CT-VKSKV1 ngày 19/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh truy tố bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Thị O, Nguyễn Thành L1 và Nguyễn Mạnh H2 về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 03 (ba) năm

06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, thời hạn tù tính từ ngày 09/01/2026.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Thị O từ 30 (ba mươi) tháng tù đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, thời hạn tù tính từ ngày 20/3/2026.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L1 từ 24 (hai mươi tư) tháng tù đến 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, thời hạn tù tính từ ngày 09/01/2026.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh H2 từ 15 (mười lăm) tháng tù đến 18 (mười tám) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, thời hạn tù tính từ ngày 09/01/2026.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 10 chiếc phong bì chưa qua sử dụng; 01 cuộn băng dính trong suốt được đặt trong dụng cụ cắt băng dính bằng kim loại màu cam; 01 bút bi màu xanh; 10 tờ giấy ảnh màu trắng; 20 tờ giấy bóng trong suốt hình chữ nhật; 10 tờ giấy trắng loại A4; 06 lọ mực nhãn hiệu EPSON; 02 kẹp kim loại; 04 miếng nhựa tròn, đường kính 2,5 cm, đối xứng nhau; 01 viên gạch men màu đen, cạnh dài nhất 60 cm, cạnh ngắn nhất 49 cm, dày 1,3 cm; 01 con dao dọc giấy, màu đỏ, không rõ nhãn hiệu; 01 chiếc thước kẻ, bằng nhựa loại 30 cm; 04 sim điện thoại thu giữ của bị cáo T, L1, H2.

Tịch thu sung Ngân sách nhà nước: 01 màn hình máy tính; 01 bàn phím máy tính; 01 chuột máy tính; 01 case máy tính; 01 máy in màu; 01 máy ép nhiệt; 01 máy phô tô; 03 điện thoại thu giữ của bị cáo T, L1, H2.

Các vật chứng còn lại là tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo lưu kèm theo hồ sơ vụ án nên tiếp tục lưu tại hồ sơ vụ án.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 8.200.000 đồng (tám triệu hai trăm nghìn đồng) bị cáo Nguyễn Văn T tự nguyện nộp lại tiền thu lợi bất chính. Bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) tiền thu lợi bất chính sung vào ngân sách Nhà nước.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 7.450.000 đồng (bảy triệu bốn trăm lăm nghìn đồng) bị cáo Nguyễn Thành L1 tự nguyện nộp lại tiền thu lợi bất chính. Trả lại bị cáo Nguyễn Thành L1 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng).

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 1.900.000 đồng (một triệu chín trăm nghìn đồng) bị cáo Nguyễn Mạnh H2 tự nguyện nộp lại tiền thu lợi bất chính.

Bị cáo Phạm Thị O phải nộp 21.600.000 (hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng) là số tiền thu lợi bất chính sung vào ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Nói lời sau cùng, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thành L1, Phạm Thị O và Nguyễn Mạnh H2 xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình giải quyết vụ án, bị can, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung đã khai nhận tại Cơ quan điều tra. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của những người làm chứng, phù hợp với các vật chứng thu giữ, các Kết luận giám định, các Biên bản làm việc, Biên bản xác minh, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa, do vậy Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận: từ khoảng tháng 01/2024 đến ngày 05/01/2026, tại địa chỉ xóm N, xã T, tỉnh Nghệ An, Nguyễn Văn T tự mình nhận thông tin cá nhân của những người mua tài liệu giả và nhận từ Nguyễn Thành L1, Nguyễn Mạnh H2, Phạm Thị O cung cấp, rồi T sử dụng công cụ, thiết bị, phương tiện để làm giả tổng số 48 tài liệu bằng cấp, chứng chỉ giả (đã thu giữ được 37 bằng cấp, chứng chỉ) rồi chuyển lại cho L1, H2, O bán cho người mua, T thu lợi bất chính số tiền 8.600.000 đồng (tám triệu sáu trăm nghìn đồng). Nguyễn Thành L1 có hành vi giúp sức cho T làm giả 24 tài liệu bằng cấp, chứng chỉ giả để bán cho người mua, thu lợi bất chính số tiền 7.450.000 đồng (bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Phạm Thị O giúp sức cho Nguyễn Văn T làm giả 16 tài liệu bằng cấp, chứng chỉ giả rồi đem bán, thu lợi bất chính số tiền 21.600.000 đồng (hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng). Nguyễn Mạnh H2 giúp sức cho Nguyễn Văn T làm giả 06 tài liệu bằng cấp, chứng chỉ giả rồi đem bán cho người mua, thu lợi bất chính số tiền 1.900.000 đồng (một triệu chín trăm nghìn đồng). Ngày 05/01/2026, phát hiện, nghi ngờ có hoạt động làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức nên chị Nguyễn Thị Thu H5, sinh năm 1991, trú tại tổ I, khu G, phường C, tỉnh Quảng Ninh đã trình báo Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q.

Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của cơ quan nhà nước. Do đó, hành vi trái pháp luật như đã nêu trên của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thành L1, Nguyễn Mạnh H2, Phạm Thị O đã phạm tội “Làm giả tài

liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự, đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh đã truy tố.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý hành chính được pháp luật hình sự bảo vệ, xâm phạm hoạt động bình thường và uy tín của cơ quan, tổ chức, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Do đó, cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng giáo dục và ngăn ngừa tội phạm.

[4] Về tính chất của đồng phạm và vai trò phạm tội của các bị cáo trong vụ án: đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự tổ chức, phân công, điều hành chặt chẽ mà chỉ tiếp nhận thông tin từ người khác để đặt làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức nhằm thu lợi bất chính. Trong vụ án, bị cáo Nguyễn Văn T là người chuẩn bị công cụ, phương tiện và trực tiếp thực hiện hành vi làm giả tài liệu. Vì vậy, bị cáo giữ vai trò chính, cao hơn các bị cáo khác và phải chịu hình phạt cao hơn. Các bị cáo Nguyễn Thành L1, Phạm Thị O và Nguyễn Mạnh H2 có hành vi đăng bài tìm kiếm, liên hệ người mua, cung cấp thông tin cho T để làm giả tài liệu, sau đó nhận tài liệu giả để bán cho người mua nên đều giữ vai trò là người giúp sức, sau bị cáo T. Bị cáo O giúp sức cho T làm giả 16 tài liệu, thu lợi bất chính 21.600.000 đồng, là người có mức hưởng lợi cao nhất trong số các bị cáo còn lại nên có vai trò sau bị cáo T. Bị cáo L1 giúp sức cho bị cáo T làm giả 24 tài liệu, tuy nhiên, có 20 tài liệu chưa giao cho người đặt mua, chưa thu được tiền, số tiền thu lợi bất chính được xác định là 7.450.000 đồng nên vai trò và mức độ hưởng lợi thấp hơn bị cáo T và bị cáo O. Bị cáo H2 tham gia với vai trò không đáng kể, giúp sức cho T làm giả 06 tài liệu, trong đó 03 tài liệu chưa giao cho người đặt mua, số tiền thu lợi bất chính không nhiều là 1.900.000 đồng nên có vai trò thấp nhất trong các bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã ra đầu thú; bị cáo Nguyễn Văn T đã tác động gia đình tự nguyện nộp lại phần lớn số tiền thu lợi bất chính (8.200.000 đồng/8.600.000 đồng); bị cáo Nguyễn Thành L1, Nguyễn Mạnh H2 đã tác động gia đình tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính; bị cáo Nguyễn Mạnh H2 có bà nội được Nhà nước tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình có công với cách mạng. Do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt chính: khung hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện được quy định tại khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào tính chất của đồng phạm, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo như nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần áp dụng mức hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo được tính răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Theo đó, cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn trong khung hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T, bởi lẽ, T là người giữ vai trò chính, chuẩn bị công cụ, phương tiện và trực tiếp thực hiện hành vi làm giả 48 tài liệu.

Đối với bị cáo Nguyễn Thành L1, Phạm Thị O, Nguyễn Mạnh H2 đều là đồng phạm giúp sức cho T làm giả tài liệu, không trực tiếp làm giả tài liệu. L1 đã giúp sức cho T làm giả 24 tài liệu, hưởng lợi 7.450.000 đồng. O đã giúp sức cho T làm giả 16 tài liệu, hưởng lợi 21.600.000 đồng. Tuy số lượng tài liệu L1 tham gia làm giả nhiều hơn Oanh, nhưng 20/24 tài liệu, chứng chỉ giả bị cáo chưa giao cho khách đặt mua, chưa phát sinh việc người mua sử dụng các tài liệu này, số tiền hưởng lợi bằng khoảng 1/3 so với O nên vai trò của L1 thấp hơn O. Còn bị cáo Nguyễn Mạnh H2 chỉ giúp sức làm giả 06 tài liệu, hưởng lợi 1.900.000 đồng, số lần và mức độ tham gia thấp hơn so với O và L1. Những người mua chứng chỉ, tài liệu giả của các bị cáo hầu hết đều không sử dụng hoặc đã tiêu hủy. Bị cáo L1 và H2 cũng đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính. Ngoài ra, các bị cáo đều có nhân thân tốt, đây là lần đầu các bị cáo bị truy tố, xét xử. Bị cáo L1 có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo H2 có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ Điều 58 Bộ luật Hình sự để quyết định mức hình phạt phù hợp, đảm bảo sự phân hóa vai trò của từng bị cáo trong vụ án đồng phạm, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: xét thấy các bị cáo lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng, tài sản đã thu giữ:

Đối với 10 chiếc phong bì chưa qua sử dụng, kích thước (35x25) cm, mặt ngoài phong bì in chữ “CÔNG TY CỔ PHẦN H10 CHI NHÁNH H11”; 01 cuộn băng dính trong suốt đã qua sử dụng, bản rộng 4,7 cm được đặt trong dụng cụ cắt băng dính bằng kim loại màu cam; 01 chiếc bút bi màu xanh nhãn hiệu UPAL-G11; 10 tờ giấy ảnh màu trắng, kích thước (21x30) cm; 10 tờ giấy bóng trong suốt hình chữ nhật loại 02 lớp, kích thước (21,8x15,8) cm; 10 tờ giấy bóng trong suốt hình chữ nhật loại 02 lớp, kích thước (30,7x21,8) cm; 10 tờ giấy trắng loại A4, kích thước (21x29,7) cm; 06 lọ mực nhãn hiệu EPSON dung tích 70 ml (02 lọ mực màu xanh, 02 lọ mực màu đỏ, 01 lọ mực màu đen, 01 lọ mực màu vàng); 01 chiếc kẹp kim loại dài 29 cm, rộng 2,5 cm, mặt trong 02 đầu kẹp, phía ngoài có dính 02 miếng nhựa tròn, đường kính 2,5 cm, đối xứng nhau, 01 miếng dập nổi và 01 miếng dập các chữ “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

NAM TỈNH SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO”; 01 chiếc kẹp kim loại dài 29 cm, rộng 2,5 cm, mặt trong 02 đầu kẹp, phía ngoài có dính 02 miếng nhựa tròn, đường kính 2,5 cm, đối xứng nhau, 01 miếng dập nổi và 01 miếng dập các chữ “ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H12 TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI”; 01 viên gạch men màu đen, cạnh dài nhất 60 cm, cạnh ngắn nhất 49 cm, dày 1,3 cm; 01 con dao dọc giấy, màu đỏ; 01 chiếc thước kẻ, bằng nhựa loại 30 cm, nhãn hiệu GSTAR; 04 sim điện thoại: đây là công cụ, phương tiện phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc màn hình máy tính, nhãn hiệu Dell, kích thước (51x35,5) cm; 01 chiếc bàn phím máy tính có dây kết nối nhãn hiệu DAREU; 01 chuột máy tính có dây kết nối nhãn hiệu NEWMEN; 01 Case máy tính, nhãn hiệu XIGMATEK, có gắn thiết bị thu phát sóng wifi không dây; 01 máy in màu nhãn hiệu EPSON L805; 01 chiếc máy ép nhiệt nhãn hiệu JATAI-YT320; 01 chiếc máy phô tô nhãn hiệu PANIUM-M71000W; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (kiểu 8plus), màu trắng, bị vỡ sau lưng điện thoại của Nguyễn Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng 12pro), màu xanh của Nguyễn Thành L1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung S21 Ultra 5G, màu bạc của Nguyễn Mạnh H2: đều là công cụ, phương tiện phạm tội nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Các vật chứng do Cơ quan điều tra chuyển kèm theo hồ sơ vụ án là tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo nên tiếp tục lưu tại hồ sơ vụ án.

[9] Về số tiền do phạm tội mà có của các bị cáo: bị cáo Nguyễn Văn T thu lợi 8.600.000 đồng (tám triệu sáu trăm nghìn đồng). Bị cáo Nguyễn Thành L1 thu lợi 7.450.000 đồng (bảy triệu bốn trăm lăm mươi nghìn đồng). Bị cáo Phạm Thị O thu lợi 21.600.000 đồng (hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng). Bị cáo Nguyễn Mạnh H2 thu lợi 1.900.000 đồng (một triệu chín trăm nghìn đồng). Đây là tiền do phạm tội mà có, do đó, các bị cáo có nghĩa vụ nộp lại số tiền trên để sung ngân sách Nhà nước. Bị cáo H2 đã tự nguyện nộp số tiền này nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Bị cáo L1 đã nộp 7.850.000 đồng (bảy triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) nên trả lại cho bị cáo L1 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) tiền chênh lệch.

Bị cáo T tự nguyện nộp 8.200.000 đồng (tám triệu hai trăm nghìn đồng), vì vậy bị cáo T phải nộp số tiền thu lợi bất chính còn lại là 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Phạm Thị O phải nộp số tiền thu lợi bất chính 21.600.000 đồng (hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

[10] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[12] Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh tại phiên tòa về áp dụng điều luật, mức hình phạt đối với bị cáo, xử lý vật chứng là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Tòa án.

[13] Về các vấn đề khác:

Đối với Nguyễn Thành L1 có hành vi mua 01 tài khoản ngân hàng số 898061282, mang tên LY VAN ANH mở tại ngân hàng TMCP Q3 của một người không quen biết qua mạng xã hội Facebook từ tháng 01/2025. Tuy nhiên, đến nay đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên không đề cập xử lý.

Đối với Phạm Thị C1, Bùi Hồng N, Hoàng Thị Ngọc H4, Trần Thị Thúy L4, Phạm Hoàng Q, Bùi Văn C2, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị Lan D có các hành vi đặt mua tài liệu giả nhưng không sử dụng nên chưa cấu thành tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Đối với Nguyễn Văn H8, Đặng Hoài L6, Nguyễn Thị Ngọc G, Nguyễn Thị T3, Đặng Thị H6, Trịnh Kim P1 có hành vi chuyển tiền qua tài khoản giúp người khác nhưng không biết việc các bị cáo, đối tượng mua bán tài liệu, bằng cấp, chứng chỉ giả, hiện không đủ chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ xử lý.

Đối với Bùi Hồng H9 và Lý Văn A1 hiện đang vắng mặt tại địa phương; các đối tượng đặt làm giả tài liệu mang tên Nguyễn Thị T3, Đặng Thị H6, Nguyễn Lê Phước B1, Nguyễn Trọng T4 chưa đủ chứng cứ chứng minh; chưa rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q tiếp tục xác minh, làm rõ để xử lý theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Thị O, Nguyễn Thành L1, Nguyễn Mạnh H2 phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

1.1. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn T 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt 09/01/2026.

1.2. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Xử phạt: bị cáo Phạm Thị O 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt 20/3/2026.

1.3. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thành L1 24 (hai mươi tư) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt 09/01/2026.

1.4. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Mạnh H2 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt 09/01/2026.

2. Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2025; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 10 chiếc phong bì chưa qua sử dụng, kích thước (35x25) cm, mặt ngoài phong bì in chữ “CÔNG TY CỔ PHẦN H10 CHI NHÁNH H11”; 01 cuộn băng dính trong suốt đã qua sử dụng, bản rộng 4,7 cm được đặt trong dụng cụ cắt băng dính bằng kim loại màu cam; 01 chiếc bút bi màu xanh nhãn hiệu UPAL-G11; 10 tờ giấy ảnh màu trắng, kích thước (21x30) cm; 10 tờ giấy bóng trong suốt hình chữ nhật loại 02 lớp, kích thước (21,8x15,8) cm; 10 tờ giấy bóng trong suốt hình chữ nhật loại 02 lớp, kích thước (30,7x21,8) cm; 10 tờ giấy trắng loại A4, kích thước (21x29,7) cm; 06 lọ mực nhãn hiệu EPSON dung tích 70 ml (02 lọ mực màu xanh, 02 lọ mực màu đỏ, 01 lọ mực màu đen, 01 lọ mực màu vàng); 01 chiếc kẹp kim loại dài 29 cm, rộng 2,5 cm, mặt trong 02 đầu kẹp, phía ngoài có dính 02 miếng nhựa tròn, đường kính 2,5 cm, đối xứng nhau, 01 miếng dập nổi và 01 miếng dập các chữ “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỈNH SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO”; 01 chiếc kẹp kim loại dài 29 cm, rộng 2,5 cm, mặt trong 02 đầu kẹp, phía ngoài có dính 02 miếng nhựa tròn, đường kính 2,5 cm, đối xứng nhau, 01 miếng dập nổi và 01 miếng dập các chữ “ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H12 TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI”; 01 viên gạch men màu đen, cạnh dài nhất 60 cm, cạnh ngắn nhất 49 cm, dày 1,3 cm; 01 con dao dọc giấy, màu đỏ; 01 chiếc thước kẻ, bằng nhựa loại 30 cm, nhãn hiệu GSTAR; 04 sim điện thoại.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 chiếc màn hình máy tính, nhãn hiệu Dell, kích thước (51x35,5) cm; 01 chiếc bàn phím máy tính có dây kết nối nhãn hiệu DAREU; 01 chuột máy tính có dây kết nối nhãn hiệu NEWMEN; 01 Case máy tính, nhãn hiệu XIGMATEK, có gắn thiết bị thu phát sóng wifi không dây; 01 máy in màu nhãn hiệu EPSON L805; 01 chiếc máy ép nhiệt nhãn hiệu JATAI-YT320; 01 chiếc máy phô tô nhãn hiệu PANIUM-M71000W; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone kiểu 8plus, màu trắng, bị vỡ sau lưng điện thoại của Nguyễn Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone kiểu dáng 12pro, màu xanh của Nguyễn Thành L1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung S21 Ultra 5G, màu bạc của Nguyễn Mạnh H2.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 201/BB-THA/KV1 ngày 19/6/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Quảng Ninh).

Bị cáo Nguyễn Văn T có nghĩa vụ nộp số tiền 8.600.000 đồng (tám triệu sáu trăm nghìn đồng) sung ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 8.200.000 đồng (tám triệu hai trăm nghìn đồng) mà bị cáo đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000149 ngày 05/8/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Bị cáo T còn phải nộp 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Nguyễn Thành L1 có nghĩa vụ nộp số tiền 7.450.000 đồng (bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) sung ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 7.850.000 đồng (bảy triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) mà bị cáo đã

nộp theo Biên lai thu tiền số 0000148 ngày 05/8/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Bị cáo Nguyễn Thành L1 được trả lại số tiền chênh lệch là 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng).

Bị cáo Nguyễn Mạnh H2 có nghĩa vụ nộp số tiền 1.900.000 đồng (một triệu chín trăm nghìn đồng) sung ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 1.900.000 đồng (một triệu chín trăm nghìn đồng) mà bị cáo đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000139 ngày 31/7/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Bị cáo H2 đã nộp đủ số tiền này.

Bị cáo Phạm Thị O có nghĩa vụ nộp số tiền 21.600.000 đồng (hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng) sung ngân sách Nhà nước.

Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án đối với các tài liệu giả là vật chứng được chuyển kèm hồ sơ vụ án.

3. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Thị O, Nguyễn Thành L1, Nguyễn Mạnh H2, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ninh;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hải Ninh